

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày: 11 - 01 - 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Lợi

Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2017/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim V, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Kim V trình bày:

Vào ngày 20/11/2014 âm lịch bà Nguyễn Thị T có mượn của bà số tiền 60.000.000đ, có làm biên nhận cam kết đến ngày 20/11/2015 âm lịch sẽ hoàn trả cho bà số tiền nói trên. Nhưng đến hẹn bà T chỉ trả cho bà được 32.000.000đ, còn thiếu lại 28.000.000đ đến nay không chịu trả. Bà có liên hệ đòi nhưng bà chỉ hứa trả mỗi tháng

được 300.000đ, do không đồng ý nên bà có yêu cầu ban lãnh đạo khu 4 giải quyết nhưng không thành. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền mượn còn thiếu là 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

* Tại bản tự khai ngày 07/8/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thừa nhận còn thiếu bà V số tiền mượn là 28.000.000đ nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và còn nợ nhiều người khác nên bà xin được trả dần mỗi tháng 300.000đ cho đến khi hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bà V và bà T đã thống nhất việc bà T còn thiếu bà V số tiền 28.000.000đ nhưng hai bên chưa thống nhất được thời gian và cách thức thanh toán nợ.

Tại phiên tòa, bà V yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Do bà T vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và việc bà vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Kim V khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền mượn chưa trả nên đây là tranh chấp về hợp đồng mượn tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú khu 4, thị trấn R, huyện R, tỉnh Kiên Giang nên căn vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Kim V yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền mượn còn thiếu là 28.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Xét yêu cầu của bà V, thấy rằng: hai bên đương sự thừa nhận việc bà T còn thiếu bà V số tiền mượn 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) nên theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận là sự thật.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà V có đòi tiền nhiều lần nhưng bà T không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ của bên mượn tài sản được quy định tại Điều 512, Điều 514 của Bộ Luật dân sự 2005.

Do đó, việc bà V yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền mượn còn thiếu 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Ngoài ra, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V thì kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T không trả đủ số tiền trên thì bà còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc bà T cho rằng hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà xin được trả dần mỗi tháng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) cho đến khi dứt nợ không được sự đồng ý của bà V. Do các bên không thống nhất với nhau về cách thức thanh toán nợ nên sẽ được xem xét, giải quyết khi thi hành án.

[3] Về án phí: Theo khoản 1 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của bà V được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008113 ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự giá ngạch $5\% \times 28.000.000\text{đ} = 1.400.000\text{đ}$ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 512, Điều 514 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim V.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà V số tiền 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T không trả đủ số tiền trên thì bà còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008113 ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự giá ngạch $5\% \times 28.000.000đ = 1.400.000đ$ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

[3] Về quyền kháng cáo: Báo cho bà V biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 11/01/2018. Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Hồng Chính